

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 48

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với mã số mới 0101449271, và lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 5 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm nghiên cứu và phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên	
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Đình Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Trường	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022
Ông Đỗ Bá Vọng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Quang Trường được bà Trần Kim Liên ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ-VINASEED ngày 1 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Quang Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61201380/22964053-HN-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty và các công ty con”) được lập ngày 22 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.189.091.727.590	1.043.929.670.002
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	316.023.968.198	311.756.939.756
111	1. Tiền		201.323.968.198	185.756.517.839
112	2. Các khoản tương đương tiền		114.700.000.000	126.000.421.917
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		6.200.000.000	4.900.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	6.200.000.000	4.900.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		320.629.635.999	298.255.569.880
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	272.484.071.224	257.796.086.787
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	35.752.898.239	29.603.348.859
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.238.132.530	13.172.172.681
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(1.845.465.994)	(2.346.822.581)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	30.784.134
140	IV. Hàng tồn kho	9	541.435.783.206	422.417.051.535
141	1. Hàng tồn kho		559.719.161.235	438.933.705.744
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(18.283.378.029)	(16.516.654.209)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.802.340.187	6.600.108.831
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	4.637.551.945	4.662.272.765
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	78.533.719
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	164.788.242	1.859.302.347

02-
GT
HH
Y0
NAI
ÁN
ÔI
T.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		864.095.180.454	888.028.909.599
220	I. Tài sản cố định		718.072.105.264	735.346.286.010
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	504.103.903.527	520.079.274.953
222	Nguyên giá		844.961.605.736	839.212.104.813
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(340.857.702.209)	(319.132.829.860)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	213.968.201.737	215.267.011.057
228	Nguyên giá		252.910.135.393	251.886.385.393
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(38.941.933.656)	(36.619.374.336)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		18.819.091.458	14.665.287.758
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	18.819.091.458	14.665.287.758
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	14	26.061.735.380	26.061.735.380
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26.061.735.380	26.061.735.380
260	IV. Tài sản dài hạn khác		101.142.248.352	111.955.600.451
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	27.941.935.415	28.401.639.398
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	28.3	8.173.013.470	6.812.179.378
268	3. Tài sản dài hạn khác		786.116.229	786.116.229
269	4. Lợi thế thương mại	15	64.241.183.238	75.955.665.446
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.053.186.908.044	1.931.958.579.601

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		784.865.164.956	627.326.065.368
310	I. Nợ ngắn hạn		753.055.790.145	595.378.037.979
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	89.547.140.215	97.028.896.191
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	7.590.390.828	22.831.444.008
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	11.106.873.726	9.619.847.895
314	4. Phải trả người lao động		36.420.872.684	44.780.564.418
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	20.734.119.852	18.160.270.163
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	255.132.018.380	164.789.982.615
320	7. Vay và nợ ngắn hạn	20	288.531.396.745	200.667.360.600
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		43.992.977.715	37.499.672.089
330	II. Nợ dài hạn		31.809.374.811	31.948.027.389
337	1. Phải trả dài hạn khác		219.619.000	162.709.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	31.589.755.811	31.785.318.389
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.268.321.743.088	1.304.632.514.233
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.268.321.743.088	1.304.632.514.233
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		175.869.880.000	175.869.880.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		175.869.880.000	175.869.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ		(50.000.000)	(50.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		476.599.172.172	466.830.996.208
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		200.907.146.630	247.793.187.690
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		80.720.515.973	32.181.091.389
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		120.186.630.657	215.612.096.301
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		83.750.016.436	82.942.922.485
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.053.186.908.044	1.931.958.579.601

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Trình bày lại)</i>
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	982.851.086.935	853.054.173.387
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	88.642.603.975	76.025.411.273
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	23.1	894.208.482.960	777.028.762.114
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	581.963.897.223	511.360.424.118
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		312.244.585.737	265.668.337.996
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	5.676.575.041	3.346.170.214
22	7. Chi phí tài chính	25	10.868.147.104	13.980.810.415
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		5.335.255.218	7.865.515.119
25	8. Chi phí bán hàng	26	85.844.254.173	74.142.692.147
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	89.261.146.013	71.789.671.397
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		131.947.613.488	109.101.334.251
31	11. Thu nhập khác		5.372.686.976	2.913.396.516
32	12. Chi phí khác		851.492.023	858.431.251
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		4.521.194.953	2.054.965.265
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		136.468.808.441	111.156.299.516
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	14.879.428.709	12.917.414.699

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		136.468.808.441	111.156.299.516
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		36.525.688.727	37.178.293.215
03	Trích lập các khoản dự phòng		1.265.367.233	582.456.632
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		632.675	(3.303.649)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.680.721.914)	(3.345.089.463)
06	Chi phí lãi vay	25	5.335.255.218	7.865.515.119
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		174.915.030.380	153.434.171.370
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(24.340.803.016)	27.415.847.263
10	Tăng hàng tồn kho		(120.785.455.491)	(403.534.044.238)
11	Giảm các khoản phải trả		(21.450.817.665)	(23.246.775.724)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		484.424.803	(7.552.705.928)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.380.760.148)	(7.864.632.818)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(11.181.470.823)	(10.590.308.049)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.456.152.606)	(26.921.878.797)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(34.196.004.566)	(298.860.326.921)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(17.768.744.938)	(18.103.100.986)
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.200.000.000)	(5.300.000.000)
24	Tiền thu hồi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		3.900.000.000	4.800.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.924.055.224)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.383.821.053	3.312.744.349
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(13.684.923.885)	(17.214.411.861)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		273.717.202.447	450.289.897.310
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(185.853.166.302)	(213.560.712.634)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		(35.715.446.577)	(44.011.140.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		52.148.589.568	192.718.044.676
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.267.661.117	(123.356.694.106)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		311.756.939.756	262.078.958.511
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(632.675)	3.303.649
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	316.023.968.198	138.725.568.054

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với mã số mới 0101449271, và lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 5 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buon Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 668 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 686 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
		Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận.
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	96,41%	96,41%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	80,73%	80,73%	83,74%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, làm đồ uốnng; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94,00%	94,00%	94,00%	94,00%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
6	Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam (**)	98,92%	98,92%	100,00%	100,00%	Xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất kinh doanh hạt giống và nông sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

(*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

(**) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty nắm giữ trực tiếp 70% và gián tiếp 30% vốn chủ sở hữu trong công ty con này thông qua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và của các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của Công ty thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ | - | giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty và các công ty con tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm
Bản quyền	2 - 20 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49 năm
Tài sản cố định khác	5 - 15 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng tại Hà Nam

Chi phí giải phóng mặt bằng tại Khu công nghiệp Đồng Văn 1 mở rộng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam được bù trừ với số tiền thuê đất Công ty phải trả trong thời gian thuê đất đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2064. Chi phí xây dựng hạ tầng để xây dựng công trình tại Khu Công nghiệp này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho công nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.16 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và các công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và các công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và các công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền mặt	4.150.882.233	3.904.310.473
Tiền gửi ngân hàng	197.173.085.965	181.852.207.366
Các khoản tương đương tiền (*)	114.700.000.000	126.000.421.917
TỔNG CỘNG	<u>316.023.968.198</u>	<u>311.756.939.756</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng, có kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3% đến 4,0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: lãi suất từ 3% đến 3,9%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất từ 3,7% đến 4,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,4% đến 6,8%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	105.558.000.000	61.525.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce – Chi nhánh Hà Nội	19.783.338.389	17.792.906.971
Phải thu từ khách hàng khác	147.106.331.835	178.394.084.816
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	36.401.000	84.095.000
TỔNG CỘNG	<u>272.484.071.224</u>	<u>257.796.086.787</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.845.465.994)	(2.125.818.186)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng	7.777.641.555	1.738.182.090
Trả trước cho nhà cung cấp khác	27.975.256.684	27.865.166.769
TỔNG CỘNG	<u>35.752.898.239</u>	<u>29.603.348.859</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngắn hạn		
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	2.958.746.926	3.541.212.915
Phải thu phí vận chuyển, bảo quản hàng hóa cho Cục Trồng trọt	3.192.592.272	2.457.724.302
Phải thu cung cấp dịch vụ	2.568.960.659	3.862.080.781
Phải thu khác	5.517.832.673	3.311.154.683
TỔNG CỘNG	<u>14.238.132.530</u>	<u>13.172.172.681</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(221.004.395)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

Đối tượng nợ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
HTX Dịch vụ Nông nghiệp Đông Cửu	836.220.000	-	836.220.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông nghiệp Tài Lộc	736.969.000	-	736.969.000	-
Công ty Thương mại Dịch vụ Đăk Nông	-	-	605.937.458	-
Khách hàng khác	272.276.994	-	167.696.123	-
TỔNG CỘNG	1.845.465.994	-	2.346.822.581	-

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	489.312.325.041	(18.219.017.052)	376.805.988.652	(16.452.293.232)
Hàng hóa	10.890.260.756	-	10.474.892.656	-
Nguyên liệu, vật liệu	51.753.489.656	(64.360.977)	45.768.902.047	(64.360.977)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.161.904.547	-	4.471.113.275	-
Công cụ, dụng cụ	2.601.181.235	-	1.412.809.114	-
TỔNG CỘNG	559.719.161.235	(18.283.378.029)	438.933.705.744	(16.516.654.209)

Hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được lưu trữ trong kho tại xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp thuộc sở hữu Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long như được trình bày tại Thuyết minh số 20.1.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	16.516.654.209	10.049.541.816
Dự phòng trích lập trong kỳ (*)	4.454.883.846	3.217.213.727
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.688.160.026)	(5.940.918.229)
Số cuối kỳ	18.283.378.029	7.325.837.314

(*) Trong kỳ, Công ty và các công ty con đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số chủng loại giống bị tồn kho quá vụ, không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngắn hạn		
Chi phí bao bì, tem nhãn	1.941.975.445	3.536.288.480
Công cụ, dụng cụ	1.437.452.868	696.229.703
Chi phí sửa chữa, cải tạo	597.301.410	194.005.639
Khác	660.822.222	235.748.943
TỔNG CỘNG	4.637.551.945	4.662.272.765
Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng tại Hà Nam	9.328.409.752	9.409.420.882
Chi phí hợp tác đầu tư (*)	6.582.035.645	6.759.928.505
Tiền thuê đất	4.809.718.713	5.125.536.410
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng được cân trừ với tiền thuê đất	2.114.960.000	2.114.960.000
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.818.398.535	2.021.126.318
Công cụ, dụng cụ	2.288.412.770	2.970.667.283
TỔNG CỘNG	27.941.935.415	28.401.639.398

(*) Đây là các khoản góp vốn đầu tư theo Hợp đồng cung cấp - khai thác - chuyển giao Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái số 01/2020/VINASOLAR.VN-VINARICE-NSC ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty, Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam, một công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần VINASOLAR Việt Nam; Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/SOLAR-DT-VINARICE ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam và Công ty Cổ phần VINASOLAR và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Căn cứ theo các hợp đồng này, Công ty và Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam đã góp vốn vào các dự án Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái với thời gian thực hiện dự án là 20 năm và sẽ được phân chia 25% lợi nhuận từ các dự án này. Chi phí đầu tư sẽ được phân bổ trong khoảng thời gian thực hiện các dự án.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	499.255.305.191	276.844.277.352	53.561.665.342	8.414.091.549	1.136.765.379	839.212.104.813
Tăng trong kỳ	3.541.877.706	2.973.082.248	-	36.771.819	-	6.551.731.773
Thanh lý, nhượng bán	-	(230.940.000)	(571.290.850)	-	-	(802.230.850)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	502.797.182.897	279.586.419.600	52.990.374.492	8.450.863.368	1.136.765.379	844.961.605.736
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	48.484.261.257	52.264.315.753	22.320.205.391	5.067.941.909	250.250.000	128.386.974.310
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	159.052.333.704	119.457.889.400	34.141.676.928	5.403.118.559	1.077.811.269	319.132.829.860
Khấu hao trong kỳ	10.510.601.291	10.226.565.955	1.643.991.261	48.534.582	58.954.110	22.488.647.199
Thanh lý, nhượng bán	-	(192.484.000)	(571.290.850)	-	-	(763.774.850)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	169.562.934.995	129.491.971.355	35.214.377.339	5.451.653.141	1.136.765.379	340.857.702.209
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	340.202.971.487	157.386.387.952	19.419.988.414	3.010.972.990	58.954.110	520.079.274.953
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	333.234.247.902	150.094.448.245	17.775.997.153	2.999.210.227	-	504.103.903.527

Phần lớn giá trị tài sản thuộc Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn và khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long như được trình bày tại Thuyết minh số 20.1.

Tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 128, tờ bản đồ số 17 của Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam, một công ty con của Công ty đã đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Tháp như trình bày tại Thuyết minh số 20.1.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bán quyền	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	223.659.573.649	3.508.150.824	20.444.100.000	4.274.560.920	251.886.385.393
Mua trong kỳ	-	1.023.750.000	-	-	1.023.750.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	223.659.573.649	4.531.900.824	20.444.100.000	4.274.560.920	252.910.135.393
<i>Trong đó:</i>					
Đã hao mòn hết	1.629.311.770	1.644.378.824	9.536.600.000	-	12.810.290.594
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	19.218.619.883	3.244.623.252	13.189.355.503	966.775.698	36.619.374.336
Hao mòn trong kỳ	1.192.765.243	236.463.637	767.718.340	125.612.100	2.322.559.320
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	20.411.385.126	3.481.086.889	13.957.073.843	1.092.387.798	38.941.933.656
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	204.440.953.766	263.527.572	7.254.744.497	3.307.785.222	215.267.011.057
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	203.248.188.523	1.050.813.935	6.487.026.157	3.182.173.122	213.968.201.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Bao gồm trong giá trị Quyền sử dụng đất là giá trị khu đất tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (“Khu đất Lê Văn Sỹ”). Đây là khu đất của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (“SSC”), một công ty con của Công ty, và đã được công ty này sử dụng một phần giá trị khu đất để góp vốn thành lập Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil (“Cantavil”) theo Hợp đồng Liên doanh ngày 3 tháng 9 năm 2014 và các phụ lục Hợp đồng Liên doanh sau đó được ký với Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon – Thủ Đức (“Daewon-Thủ Đức”). Giá trị còn lại của khu đất sẽ được Cantavil chi trả bằng tiền cho SSC. Bên cạnh đó, SSC cũng đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng và các phụ lục hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong Cantavil cho Daewon-Thủ Đức và tiến độ của việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng này sẽ phụ thuộc vào các điều kiện được nêu tại hợp đồng chuyển nhượng cũng như một số điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh nêu trên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ chưa được hoàn thành cũng như các điều kiện, bao gồm các điều kiện tiên quyết của Hợp đồng Liên doanh đã hết thời hạn thực hiện, SSC chưa bàn giao Khu đất Lê Văn Sỹ cho Cantavil cũng như chưa ghi nhận các lợi ích và chi phí liên quan từ việc thực hiện các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp nêu trên.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Dự án Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cờ Đò	15.975.288.313	10.979.828.573
Dự án Phương Mai	1.019.394.700	1.019.394.700
Công trình khác	1.824.408.445	2.666.064.485
TỔNG CỘNG	18.819.091.458	14.665.287.758

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
- Công ty Cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed (i) (ii)	26.061.735.380	194.126	-	(i) 26.061.735.380	194.126 (i)
TỔNG CỘNG	26.061.735.380		-	26.061.735.380	-

(i) Công ty không thể thu thập được các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty sở hữu 19,49% cổ phần trong công ty này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và các công ty con của công ty này	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120	260.846.731.446
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120	260.846.731.446
Phân bổ lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	26.557.087.281	1.478.397.988	156.855.580.731	184.891.066.000
Phân bổ trong kỳ	-	95.550.302	11.618.931.906	11.714.482.208
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	26.557.087.281	1.573.948.290	168.474.512.637	196.605.548.208
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	432.608.057	75.523.057.389	75.955.665.446
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	337.057.755	63.904.125.483	64.241.183.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà thầu xây dựng	998.606.361	998.606.361	998.606.361	998.606.361
Phải trả cho người bán	-	-	96.030.289.830	96.030.289.830
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	18.152.578.326	18.152.578.326	45.770.519.413	45.770.519.413
- Phải trả đối tượng khác	70.395.955.528	70.395.955.528	50.259.770.417	50.259.770.417
TỔNG CỘNG	89.547.140.215	89.547.140.215	97.028.896.191	97.028.896.191

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
	Người mua trả tiền trước khác	7.590.390.828
TỔNG CỘNG	7.590.390.828	22.831.444.008

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
	Thuế giá trị gia tăng	995.408.590	1.865.131.666	(1.840.925.158)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.734.987.130	14.879.428.709	(11.181.470.823)	9.432.945.016
Thuế thu nhập cá nhân	595.422.819	9.366.179.438	(9.705.525.556)	256.076.701
Thuế khác	434.727.009	3.617.373.542	(3.818.651.882)	233.448.669
TỔNG CỘNG	7.760.545.548	29.728.113.355	26.546.573.419	10.942.085.484
Trong đó:				
Thuế trả trước	(1.859.302.347)			(164.788.242)
Thuế phải nộp	9.619.847.895			11.106.873.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Chi phí thuê đất	5.648.488.034	5.792.914.767
Chi phí mua bản quyền	3.023.834.318	3.256.321.278
Chi phí khuyến mãi, hoa hồng	1.793.782.050	5.109.198.533
Chi phí đóng gói, vận chuyển	5.083.226.949	160.181.788
Chi phí phải trả khác	5.184.788.501	3.841.653.797
TỔNG CỘNG	<u>20.734.119.852</u>	<u>18.160.270.163</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Cổ tức phải trả	125.412.577.685	36.109.228.685
Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil (*)	69.526.500.000	69.526.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức (*)	30.473.500.000	30.473.500.000
Quỹ lương chưa thanh toán đã nộp thuế TNDN	14.325.375.852	14.325.375.852
Phải trả chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng tại Hà Nam cho Ban Quản lý Dự án Khu công nghiệp Hà Nam	2.000.000.000	4.000.000.000
Hỗ trợ công tác xã hội	3.040.000.000	3.040.000.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	2.299.996.750
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.054.068.093	5.015.381.328
TỔNG CỘNG	<u>255.132.018.380</u>	<u>164.789.982.615</u>

Trong đó:

- Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 29)	56.314.828.000	28.157.414.000
- Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	198.817.190.380	136.632.568.615

(*) Chủ yếu bao gồm các khoản mục sau:

Các khoản trả trước từ Cantavil và Daewon - Thủ Đức cho Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam với tổng số tiền là 40 tỷ VND theo các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp như được trình bày tại Thuyết minh số 12.

Giá trị còn lại của Khu đất Lê Văn Sỹ và giá trị còn lại của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp được các đối tác tự nguyện chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam trong năm 2018 với tổng số tiền là 60 tỷ VND (mặc dù Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam chưa yêu cầu cũng như không nhận được thông báo của các đối tác trước thời điểm nhận được số tiền này).

Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ chưa được hoàn thành cũng như các điều kiện, bao gồm các điều kiện tiên quyết của Hợp đồng Liên doanh đã hết thời hạn thực hiện. Công ty và Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam đang tiếp tục trao đổi với các bên liên quan để thống nhất việc xử lý các khoản tiền ứng trước nêu trên cũng như các hợp đồng có liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng ngắn hạn	20.1	200.667.360.600	273.717.202.447	(185.853.166.302)	288.531.396.745	288.531.396.745	
TỔNG CỘNG		200.667.360.600	273.717.202.447	(185.853.166.302)	288.531.396.745	288.531.396.745	

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, với lãi suất từ 4,3% đến 4,8%/năm, được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	249.679.367.485 (VND)	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng hoặc 8 tháng đối với từng khoản vay. Kỳ hạn trả nợ cuối cùng tương ứng vào ngày 7 tháng 2 năm 2023 và ngày 29 tháng 6 năm 2023. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	5.996.940 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được sở hữu bởi Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam. Hàng hóa luân chuyển trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được để tại kho và phương tiện vận tải của Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam tại xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	38.852.029.260	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 8 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 30 tháng 8 năm 2022. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	Phần lớn giá trị tài sản thuộc Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 128, tờ bản đồ số 17, diện tích 50.003,7m ² của Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam.
TỔNG CỘNG	288.531.396.745		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	427.620.050.949	188.686.201.576	78.071.571.871	1.201.443.232.246
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	96.401.254.905	2.577.826.906	98.979.081.811
Trích lập quỹ	-	-	-	61.562.565.741	(61.562.565.741)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(22.655.505.475)	(336.306.584)	(22.991.812.059)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(70.298.064.000)	(790.234.500)	(71.088.298.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.081.140.099)	(180.007.388)	(2.261.147.487)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(12.565.317.924)	-	-	(12.565.317.924)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(34.350.668)	(34.350.668)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	476.617.298.766	128.490.181.166	79.308.499.637	1.191.481.387.419

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	466.830.996.208	247.793.187.690	82.942.922.485	1.304.632.514.233	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	120.186.630.657	2.959.145.745	123.145.776.402	
Trích lập quỹ (*)	-	-	20.261.234.580	(19.802.521.605)	(458.712.975)		-	
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	-	-	-	(22.265.890.694)	(190.508.922)	(22.456.399.616)	
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(123.588.026.577)	(1.430.769.000)	(125.018.795.577)	
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.380.555.992)	(36.905.585)	(1.417.461.577)	
Sử dụng các quỹ (**)	-	-	(10.493.058.616)	-	-	-	(10.493.058.616)	
Giảm khác	-	-	-	-	(35.676.849)	(35.155.312)	(70.832.161)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	476.599.172.172	200.907.146.630	83.750.016.436	1.268.321.743.088	

(*) Việc trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021 được thực hiện theo các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty và các công ty con.

(**) Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp	175.869.880.000	175.869.880.000	-	175.869.880.000	175.869.880.000	-
- Công ty Cổ phần PAN FARM	140.787.070.000	140.787.070.000	-	140.787.070.000	140.787.070.000	-
- Các cổ đông khác	35.082.810.000	35.082.810.000	-	35.082.810.000	35.082.810.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
TỔNG CỘNG	507.115.407.850	507.115.407.850	-	507.115.407.850	507.115.407.850	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	175.869.880.000	175.869.880.000
Số cuối kỳ	175.869.880.000	175.869.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	123.021.612.000	70.298.064.000
Cổ tức cho năm 2020: 4.000 đồng/cổ phiếu	-	70.298.064.000
Cổ tức cho năm 2021: 7.000 đồng/cổ phiếu	123.021.612.000	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	35.149.032.000	43.936.290.000
Cổ tức cho năm 2019	-	43.936.290.000
Cổ tức cho năm 2020	35.149.032.000	-

21.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.586.988	17.586.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	17.586.988	17.586.988
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	12.472	12.472
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	17.574.516	17.574.516
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2021: 10.000 đồng/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Hàng hóa nhận giữ hộ Nhà nước (VND)	141.119.742.000	75.902.382.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.796.091	141.761
- Nhân dân tệ (CNY)	47.584	170
- Euro (EUR)	80.316	80.316
Nợ khó đòi đã xử lý	11.275.374.815	10.669.437.357

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng doanh thu	982.851.086.935	853.054.173.387
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	982.236.522.160	850.623.120.426
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	614.564.775	2.431.052.961
Các khoản giảm trừ doanh thu:	88.642.603.975	76.025.411.273
<i>Chiết khấu thương mại</i>	32.990.534.559	29.981.153.293
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	55.030.863.383	45.682.648.094
<i>Giảm giá hàng bán</i>	621.206.033	361.609.886
Doanh thu thuần	894.208.482.960	777.028.762.114
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	893.593.918.185	774.597.709.153
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	614.564.775	2.431.052.961
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba</i>	894.208.482.960	776.966.708.394
<i>Doanh thu từ bán hàng cho các bên liên quan</i>	-	62.053.720

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi tiền gửi	2.739.461.914	1.403.829.463
Cổ tức được chia	1.941.260.000	1.941.260.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	995.853.127	1.080.751
TỔNG CỘNG	5.676.575.041	3.346.170.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	579.091.795.439	510.868.737.750
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho thuần	2.872.101.784	491.686.368
TỔNG CỘNG	<u>581.963.897.223</u>	<u>511.360.424.118</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	5.335.255.218	7.865.515.119
Chiết khấu thanh toán	5.505.219.156	5.558.058.672
Chi phí tài chính khác	27.672.730	557.236.624
TỔNG CỘNG	<u>10.868.147.104</u>	<u>13.980.810.415</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí bán hàng		
- Chi phí tiền lương	22.952.926.022	13.797.100.476
- Chi phí khấu hao	3.851.223.004	3.791.118.307
- Chi phí vận chuyển	35.789.657.849	33.451.615.157
- Chi phí bán hàng khác	23.250.447.298	23.102.858.207
TỔNG CỘNG	<u>85.844.254.173</u>	<u>74.142.692.147</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí tiền lương	48.102.952.227	31.044.193.247
- Chi phí khấu hao và phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	17.533.825.745	16.039.622.735
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.638.478.085	8.247.075.317
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.985.889.956	16.458.780.098
TỔNG CỘNG	<u>89.261.146.013</u>	<u>71.789.671.397</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	627.228.441.443	798.343.965.306
Chi phí nhân công	106.983.078.823	67.980.760.388
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ lợi thế thương mại	36.525.688.727	37.178.293.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.596.770.824	78.046.979.839
Chi phí khác	35.347.813.353	70.459.683.787
TỔNG CỘNG	870.681.793.170	1.052.009.682.535

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN;
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

Các công ty con

Thuế suất thuế TNDN của Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam, một công ty con của Công ty, là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên đi vào hoạt động chính thức (năm 2019). Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2020) và được giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo (từ năm 2024) theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 7407342160, thay đổi lần 3 ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Thuế suất thuế TNDN của các công ty con khác của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thuế TNDN hiện hành	14.879.428.709	12.929.602.984
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước	-	(12.188.285)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.556.396.670)	(740.196.994)
TỔNG CỘNG	13.323.032.039	12.177.217.705

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế, chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	136.468.808.441	111.156.299.516
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty		
- Hoạt động khoa học và công nghệ	4.498.208.610	3.342.352.035
- Hoạt động khác	9.519.196.580	11.024.453.742
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	569.735.218	133.442.027
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	-	(12.188.285)
Thuế TNDN từ thu nhập của hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(388.252.000)	(388.252.000)
Sử dụng lỗ lũy kế của các năm trước	-	(1.558.812.913)
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất kinh doanh	(875.856.369)	(363.776.901)
Chi phí thuế TNDN	13.323.032.039	12.177.217.705

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chi phí phải trả	6.469.960.773	5.789.420.471	680.540.302	376.420.093
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	418.518.218	418.518.218	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.263.871.906	583.578.116	680.293.790	172.595.220
Giao dịch bán tài sản nội bộ	20.662.573	20.662.573	-	-
	8.173.013.470	6.812.179.378	1.360.834.092	549.015.313
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản của các công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh	31.589.755.811	31.785.318.389	195.562.578	191.181.681
	31.589.755.811	31.785.318.389	195.562.578	191.181.681
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			1.556.396.670	740.196.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quyền kiểm soát và/hoặc có giao dịch trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Chức vụ tại Công ty, mối liên hệ</i>
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Long	Thành viên Hội đồng quản trị đến ngày 25 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 25 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 3 năm 2022
Ông Đỗ Bá Vọng	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên Ban Kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố Cổ tức đã trả	56.314.828.000 28.157.414.000	28.157.414.000 35.196.767.500

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty và các công ty con bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2021: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng	13.282.500	15.225.000
Công ty Cổ phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng, vật tư	23.118.500	68.870.000
			36.401.000	84.095.000
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	56.314.828.000	28.157.414.000
			56.314.828.000	28.157.414.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong kỳ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lương và các chi phí liên quan	9.419.960.039	8.615.510.465
TỔNG CỘNG	9.419.960.039	8.615.510.465

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	120.186.630.657	96.401.254.905 <i>(Trình bày lại)</i>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(7.955.263.119)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	120.186.630.657	88.445.991.786
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.574.516	17.574.516
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	17.574.516	17.574.516
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản</i>	6.839	5.033
- <i>Lãi suy giảm</i>	6.839	5.033

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ công ty mẹ được trích lập từ lợi nhuận của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ2022 ngày 25 tháng 4 năm 2022 và được phân bổ theo tỷ lệ lợi nhuận của 6 tháng đầu năm so với lợi nhuận của năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2022 chưa được điều chỉnh phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết liên quan đến tiền thuê đất

Công ty và các công ty con hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Đến 1 năm	5.109.146.570	5.703.721.053
Trên 1 - 5 năm	9.363.342.202	8.984.709.417
Trên 5 năm	92.339.278.722	95.058.336.125
TỔNG CỘNG	106.811.767.494	109.746.766.595

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

 _____ Người lập Nguyễn Thị Như Quỳnh	 _____ Kế toán trưởng Phan Thế Tý	  _____ Tổng Giám đốc Nguyễn Quang Trường
---	--	---

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2022